TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 6 - 2020
V/v: ly hôn giữa
chị S và anh B

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Ngọc Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thế Quang;

Ông Nguyễn Hồng Minh.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tùng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà: Bà Mai Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/3/2020 về việc "Ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị S, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Xóm 6, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Xuân B, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Xóm 6, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

(Chị S và anh B vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị S trình bày: Chị và anh Phạm Xuân B tự nguyện tìm hiểu, kết hôn và đã kết hôn tại UBND xã X ngày 10/9/2010. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do tính

tình, lối sống không hòa hợp. Anh B thường xuyên uống rượu, không quan tâm gì đến vợ con. Chị đã động viên, khuyên bảo nhiều nhưng anh B không thay đổi. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh B, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không có cách giải quyết nên nguyện vọng của chị xin được ly hôn anh Phạm Xuân B.

Về con chung: Chị và anh Phạm Xuân B có 01 con chung là Phạm Quang T, sinh ngày 06/6/2011; hiện đang con ở với chị. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Tại Biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Phạm Xuân B trình bày: Anh và chị Lê Thị S tự nguyện, tìm hiểu, kết hôn như chị S trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc do tính tình, lối sống không hòa hợp, thường xảy ra bất đồng quan điểm. Sau khi sinh được 01 con chung thì cuối năm 2011, chị S cùng con chung đã bỏ về ở với bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó. Nay chị S xin ly hôn anh thì anh cũng nhất trí ly hôn chị S để giải thoát cho mỗi người có cuộc sống riêng vì anh nhận thấy cuộc hôn nhân giữa anh và chị S đã không còn tồn tại từ lâu. Anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Về con chung: Anh và chị Lê Thị S có 01 con chung là Phạm Quang T, sinh ngày 06/6/2011; hiện đang ở với chị S. Khi ly hôn, anh nhường quyền nuôi dưỡng cháu T cho chị S và không cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay anh chưa có công việc ổn định.

Về tài sản, nghĩa vụ tài sản: Anh không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Anh cũng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử ly hôn giữa chị Lê Thị S và anh Phạm Xuân B; giao con chung chưa thành niên là Phạm Quang T, sinh ngày 06/6/2011 cho chị Lê Thị S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh Phạm Xuân B

không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Lê Thị S và anh Phạm Xuân B đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị S và anh Phạm Xuân B có quan hệ hôn nhân hợp pháp, đăng ký kết hôn ngày 10/9/2010 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Trong quá trình chung sống chị S và anh B phát sinh mâu thuẫn do tính cách, lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2011 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ nhưng anh B đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa, điều đó thể hiện anh B không thực sự mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị S và anh B đã kéo dài, các bên không còn thiết tha đoàn tụ, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị S đối với anh Phạm Xuân B là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung: Chị Lê Thị S và anh Phạm Xuân B có 01 con chung là Phạm Quang T, sinh ngày 06/6/2011; hiện đang ở với chị S. Khi ly hôn, anh B, chị S và cháu T đều có nguyện vọng để chị S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Phạm Quang T cho chị S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của chị S không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho ly hôn giữa chị Lê Thị S và anh Phạm Xuân B.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Quang T, sinh ngày 06/6/2011 cho chị Lê Thị S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Xuân B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị S phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0001723 ngày 10/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Ngọc Quỳnh